

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 13 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81,82,83,84,110,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đức Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 32 đường VD, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 32 đường VD, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D đăng ký hôn vào ngày 01/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị D.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Đức Huy H, sinh ngày 15/3/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Đức Huy H cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), hiện

nay cháu H đang ở với chị D. Anh Trần Đức Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D công nhận vợ chồng không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D.

- Về con chung và việc nuôi con: Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Đức Huy H, sinh ngày 15/3/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Đức Huy H cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), hiện nay cháu H đang ở với chị D. Anh Trần Đức Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trần Đức Đ không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D công nhận vợ chồng không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Trần Đức Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Trần Đức Đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005522 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005521 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường PB (ĐKKH ngày 01/8/2018);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÍ)

Nguyễn Ngọc Dũng
